

Số: 28/NQ-HĐND

Bắc Yên, ngày 20 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BẮC YÊN
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 2385/TTr-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện Bắc Yên; Báo cáo thẩm tra số 83/BC-BKTXH ngày 17/12/2019 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và tổng hợp ý kiến thảo luận tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Bắc Yên năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2020

1. Mục tiêu

Nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực, thành phần kinh tế, trong đó trọng tâm là phát triển nông nghiệp bền vững và đưa du lịch trở thành một trong những ngành kinh tế chủ lực; huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển; phát huy đổi mới, sáng tạo, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ. Thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia. Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực, chăm sóc sức khỏe nhân dân, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Tăng cường công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường, chủ động ứng phó và thích nghi hiệu quả với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Quyết tâm thực hiện đạt, vượt chỉ tiêu kế hoạch 5 năm 2016-2021 và Nghị quyết Đại hội đảng các cấp 2015-2020, tạo tiền đề cho xây dựng, thực hiện kế hoạch 5 năm 2021-2026.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Các chỉ tiêu chủ yếu theo HĐND tỉnh quyết nghị

2.1.1. Chỉ tiêu kinh tế

(1) Tổng thu ngân sách trên địa bàn huyện: 126,8 tỷ đồng.

(2) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt trên 626 tỷ đồng.

(3) Sản lượng hàng hóa nông sản tham gia xuất khẩu đạt trên 100 tấn.

2.1.2. Chỉ tiêu xã hội

(1) Tỷ lệ hộ nghèo: Giảm trên 4% (giảm trên 520 hộ).

(2) Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị: Dưới 2,0%.

(3) Tỷ lệ lao động qua đào tạo, hướng nghiệp 43,2%, trong đó: có văn bằng, chứng chỉ 24,5%.

(4) Số người được giải quyết, tạo việc làm trong năm: 1.250 người; trong đó có trên 800 lao động đi làm ăn xa.

(5) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội: 75%.

(6) Số giường bệnh/10.000 dân: 17,91 giường/10.000 dân.

(7) Số bác sỹ/10.000 dân: 6,86 bác sỹ/10.000 dân.

(8) Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi: 20,4%.

(9) Tỷ lệ xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế: 87,5% (14/16 xã, thị trấn) ⁽¹⁾.

(10) Tỷ lệ đô thị hóa: 8,02%.

(11) Tỷ lệ hộ được dùng điện sinh hoạt: 96%.

(12) Tỷ lệ gia đình văn hóa 65%. Tỷ lệ bản, tiểu khu đạt văn hóa 64,07%.

(13) Tỷ lệ xã, thị trấn có đường ô tô đến trung tâm xã được cứng hóa: 81,25% (13/16 xã, thị trấn) ⁽²⁾.

(14) Duy trì 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới; phấn đấu xã Tà Xùa đủ điều kiện đăng ký đạt chuẩn vào năm 2021; 12 xã đạt từ 10-14 tiêu chí; bình quân đạt 13,1 tiêu chí/xã.

(15) 100% cơ quan, đơn vị (121/121); 37,5% xã, thị trấn (6/16) và 75,73% bản, tiểu khu (78/103) đạt tiêu chuẩn không có ma túy ⁽³⁾.

(16) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế: 99,5%.

(17) Tỷ lệ hộ được xem đài truyền hình Việt Nam: 95%.

2.2.3. Chỉ tiêu môi trường

(1) Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 97,5%.

Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch: 79,8%.

(2) Tỷ lệ chất thải rắn tại đô thị được thu gom: 95%.

Tỷ lệ chất thải rắn tại nông thôn được thu gom: 63%.

(3) Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý: 100%.

(4) Tỷ lệ che phủ rừng: 42,6%.

(1) Có thêm xã Song Pe, Làng Chếu đạt chuẩn.

(2) Có thêm xã Tà Khoa.

(3) Có thêm xã Tà Khoa và bản Tân Tiến xã Tà Khoa, bản Khúm Khia xã Hua Nhân đạt chuẩn.

2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu do HĐND huyện quyết nghị (ngoài chỉ tiêu chủ yếu cấp tỉnh)

2.2.1. Chỉ tiêu kinh tế

- (1) Tổng diện tích gieo trồng đạt 21.397 ha.
- (2) Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt trên 29.000 tấn.
- (3) Tổng đàn gia súc, gia cầm đạt trên 361.000 con. Trong đó: Gia súc trên 82.000 con; gia cầm trên 279.000 con. Sản lượng thịt xuất chuồng đạt 1.650 tấn.
- (4) Sản lượng điện sản xuất ra đạt 455 triệu kwh.
- (5) Đón trên 60.000 lượt khách du lịch; doanh thu khoảng 40 tỷ đồng.

2.2.2. Chỉ tiêu xã hội

- (1) Tỷ lệ dân số tham gia tập luyện TDTT thường xuyên đạt 25%.
- (2) Duy trì xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi: 16/16 xã.
- (3) Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2 trở lên: 15/16 xã.
- (4) Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 trở lên: 15/16 xã.
- (5) Xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức 2: 16/16 xã.
- (6) Số trường đạt chuẩn quốc gia: 17 trường ⁽⁴⁾.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

(1) Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa, nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh, phấn đấu đạt mục tiêu xuất khẩu. (2) Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, phấn đấu duy trì 02 xã đạt chuẩn, có thêm xã Tà Xùa đủ điều kiện đăng ký đạt chuẩn vào năm 2021, bình quân đạt 13,1 tiêu chí/xã, tỷ lệ hộ nghèo giảm trên 4%. (3) Khai thác hiệu quả các nguồn thu trên địa bàn, xử lý tốt các khoản nợ thuế. (4) Tiếp tục đẩy mạnh phát triển du lịch gắn với giữ gìn, bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. (5) Đảm bảo quốc phòng, an ninh; tiếp tục duy trì công tác chuyển hóa địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự. (6) Đẩy mạnh thu hút đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất kinh doanh. (7) Tập trung các giải pháp xây dựng nông thôn mới (nhất là xã Tà Xùa để đăng ký đạt chuẩn năm 2021), phục vụ phát triển du lịch; thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng một số công trình đầu tư công tại các khu du lịch. (8) Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh, phát triển diện tích rừng, phấn đấu tỷ lệ che phủ rừng đạt chỉ tiêu HĐND-UBND tỉnh giao.

III. NHÓM GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhóm giải pháp về thực hiện chính sách Nhà nước:

1.1. Tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách để khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung hoàn thiện các dự án quy hoạch có tầm quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa. Nâng cao hiệu quả phân tích, chất lượng xây dựng kế hoạch, đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

(4) Công nhận thêm 4 trường: Mầm non Tạ Khoa; Mầm non Pắc Ngà; TH&THCS Hồng Ngải; Trường THPT.

1.2. Chỉ đạo thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách đầu tư cho sản xuất, chính sách dân tộc đảm bảo an sinh xã hội.

1.3. Triển khai tốt các chính sách tài chính, tín dụng, tăng cường quản lý giá cả thị trường, đảm bảo tăng trưởng kinh tế: Rà soát chi tiết từng khoản thu đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách. Triển khai có hiệu quả các chính sách thuế, gắn với tăng cường và khai thác tốt các nguồn thu cho ngân sách huyện; tăng cường quản lý, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả chi ngân sách nhà nước. Tổ chức theo dõi sát diễn biến giá của thị trường. Thực hiện các biện pháp bình ổn giá, nhất là đối với những mặt hàng thiết yếu, không để xảy ra thiếu hàng, sốt giá. Xử lý nghiêm các trường hợp buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế. Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi để phát triển sản xuất.

1.4. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tăng cường đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; hỗ trợ thúc đẩy khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. Chú trọng tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ nâng cao năng lực quản lý, điều hành, nhất là năng lực lập kế hoạch, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh cho các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Tổ quản lý....

2. Nhóm giải pháp về nâng cao năng suất và sức cạnh tranh, tạo sự chuyển biến thực chất trong từng ngành, lĩnh vực

2.1. Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh, gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng cơ cấu lại lĩnh vực, sản phẩm lợi thế theo nhu cầu thị trường. Tiếp tục triển khai thực hiện chủ trương trồng cây ăn quả trên đất dốc tạo nguồn nguyên liệu ổn định cho các nhà máy chế biến và phục vụ xuất khẩu. Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, thực phẩm an toàn trên địa bàn huyện giai đoạn 2018-2021. Quan tâm chỉ đạo, điều hành việc tổ chức liên kết người sản xuất trong nông nghiệp, đặc biệt với lĩnh vực trồng cây ăn quả theo nghị quyết của HĐND tỉnh. Nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững, chú trọng nâng chất lượng các tiêu chí đã hoàn thành (*kể cả xã đạt chuẩn*); đẩy mạnh triển khai nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả. Tập trung chỉ đạo phát triển chăn nuôi đại gia súc trên địa bàn huyện theo Nghị quyết số 08-NQ/HU ngày 28/4/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện. Thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường thực hiện phát luật về bảo vệ rừng; xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm phát luật về bảo vệ và phát triển rừng.

2.2. Khai thác, phát huy tiềm năng và nâng cao giá trị gia tăng các ngành công nghiệp thế mạnh của địa phương. Tăng cường hiệu quả công tác thu hút đầu tư, hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát huy hết công suất hiện có, đầu tư mở rộng quy mô, công suất, cải tiến kỹ thuật, áp dụng công nghệ và sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư, vận hành các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư thủy điện, sớm hoàn thành đưa vào khai thác đảm bảo chất lượng công trình và cam kết về môi trường.

2.3. Nâng cao năng lực và đổi mới công tác xúc tiến thương mại; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển mạng lưới chợ trên địa bàn huyện. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp tiêu thụ và xuất khẩu các sản phẩm nông sản có tiềm năng của huyện; tập trung thu hút các doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến, bảo quản các sản

phẩm đủ điều kiện xuất khẩu; tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã xuất khẩu đảm bảo việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông sản an toàn, bền vững.

2.4. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, người dân về du lịch; đổi mới tư duy phát triển du lịch một cách nhất quán từ quan điểm, mục tiêu, chương trình hành động của các cấp, các ngành; ý thức của người dân, doanh nghiệp và cộng đồng tham gia vào quá trình phát triển du lịch. Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch, tăng cường kết nối giao thông tới các khu, điểm du lịch; đẩy mạnh công tác xúc tiến quảng bá du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại từ nội dung đến phương thức. Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, bảo đảm môi trường du lịch.

3. Nhóm giải pháp về đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao chất lượng giáo dục – đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội khác

3.1. Đảm bảo an sinh xã hội, hỗ trợ kịp thời người dân vùng thiên tai khôi phục sản xuất, ổn định cuộc sống. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chính sách ưu đãi, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người có công với cách mạng; thực hiện tốt các chính sách giải quyết việc làm, chương trình cho vay vốn ưu đãi, chính sách hỗ trợ hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tệ nạn ma túy; duy trì, xây dựng xã, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy.

3.2. Tập trung đổi mới, tạo chuyên biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục. Duy trì và nâng cao chất lượng mô hình tổ chức nấu ăn tập trung bán trú ở tất cả các trường có học sinh bán trú trên địa bàn huyện. Tăng cường và quyết liệt hơn trong tổ chức thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục trong đó có cả chất lượng dạy và chất lượng học, thường xuyên rà soát, đánh giá chất lượng của đội ngũ giáo viên. Duy trì và phát triển mới trường đạt chuẩn quốc gia.

3.3. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân gắn với việc củng cố và nâng cao hiệu quả mạng lưới y tế các tuyến, ưu tiên phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu. Triển khai thực hiện Đề án xã hội hóa các hoạt động trong lĩnh vực y tế. Đẩy mạnh công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, từng bước cải thiện chất lượng dân số.

3.4. Ứng dụng khoa học và công nghệ trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản hàng hóa chủ lực của huyện theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng thương hiệu; triển khai Đề án phát triển và quảng bá thương hiệu sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh giai đoạn 2018-2021.

3.5. Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả nhằm tạo sự đồng thuận của xã hội. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại, nhất là về cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp. Tiếp tục triển khai thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; đẩy mạnh công tác xã hội hóa, chú trọng huy động các nguồn lực đóng góp xây dựng các thiết chế văn hóa. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc; đồng thời khuyến khích tự do sáng tạo trong hoạt động văn hóa nghệ thuật.

4. Nhóm giải pháp về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

4.1. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện, đảm bảo quỹ đất cho đầu tư phát triển. Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho công tác quản lý đất đai trên địa bàn. Tăng cường quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản. Thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp đất lần đầu.

4.2. Ngăn chặn, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường; thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Quản lý việc kinh doanh và sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hóa học, thuốc diệt cỏ. Triển khai các biện pháp xử lý các vấn đề nảy sinh về môi trường, nhất là các bãi rác, chăn nuôi gia súc trong khu dân cư...

4.3. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng chống, giảm nhẹ thiên tai; tập trung khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, nhanh chóng ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân.

4.4. Tập trung cụ thể hóa triển khai Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 03/7/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Yên về thông qua kế hoạch thu gom xử lý chất thải, nước thải sinh hoạt bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện Bắc Yên, đến năm 2021.

5. Nhóm giải pháp về đẩy mạnh cải cách hành chính; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp; thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí

5.1. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền các cấp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu quả, hiệu lực; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xác định vị trí việc làm và tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước gắn với công khai, minh bạch, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; đề cao trách nhiệm giải trình và trách nhiệm của người đứng đầu, của cán bộ, công chức.

5.2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã. Tiếp tục rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của chính quyền địa phương. Triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện (DDCI), chỉnh số cải cách hành chính (Par Index) nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính theo hướng chuyên nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư và hội nhập.

5.3. Tăng cường công tác thanh tra, kịp thời chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, tiêu cực, tham nhũng, lãng phí; thực hiện nghiêm các kết luận sau thanh tra.

Duy trì thực hiện tốt việc tiếp công dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

6. Nhóm giải pháp về đảm bảo quốc phòng - an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

6.1. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc, lực lượng vũ trang vững mạnh về chính trị, có sức chiến đấu ngày càng cao, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh và củng cố hệ thống chính trị cơ sở.

6.2. Đảm bảo trật tự an toàn xã hội; tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc; đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; tăng cường các biện pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn; rà soát công tác phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Hội đồng nhân dân huyện giao UBND huyện hoàn tất thủ tục, hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Bắc Yên năm 2020 và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

2. Hội đồng nhân dân huyện giao Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các vị đại biểu HĐND huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Bắc Yên khoá XVII, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.

Nơi nhận:

- TT HĐND; TT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tỉnh;
- Văn phòng HĐND, UBND tỉnh;
- TT HU, HĐND, UBND, UB MTTQ VN huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT ĐU, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trung tâm thông tin tỉnh; Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TCKH, 140 bản



CHỦ TỊCH

Lừ Văn Lày

